

Số: /TTr-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH
Dự án Luật Lưu trữ (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 và theo phân công của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ được giao chủ trì xây dựng dự án Luật Lưu trữ (sửa đổi) trình Chính phủ để trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến vào kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2023) và thông qua vào kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024). Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan nghiên cứu, soạn thảo và kính trình Chính phủ về dự án Luật Lưu trữ (sửa đổi) với những nội dung cơ bản sau:

I. CĂN CỨ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT LƯU TRỮ (SỬA ĐỔI)**1. Căn cứ chính trị**

a) Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

b) Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

c) Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã xác định: “Hệ thống pháp luật phải thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới” và “Phấn đấu đến năm 2030, hoàn thành xây dựng Chính phủ số; đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ ba trong khu vực ASEAN về Chính phủ điện tử, kinh tế số” (khoản 1 Mục II và khoản 1 Mục IV Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021 - 2030).

2. Căn cứ pháp lý

a) Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử.

b) Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025.

c) Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020 - 2025”, trong đó tại điểm b khoản 1 mục IV giao Bộ Nội vụ trình Chính phủ đề trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Lưu trữ năm 2011 đáp ứng yêu cầu quản lý tài liệu lưu trữ điện tử.

d) Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trong đó tại điểm b khoản 2 mục IV đã xác định một trong những nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số là: “Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo”.

đ) Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, trong đó tại điểm b khoản 1 mục IV đã xác định một trong các nhiệm vụ trọng tâm quốc gia là: “Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Lưu trữ để có quy định về lưu trữ điện tử, tạo điều kiện pháp lý cho việc thực hiện chuyển đổi số hoàn toàn trong hoạt động và quy trình làm việc của các cơ quan, tổ chức nhà nước”.

e) Quyết định số 799/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023.

3. Căn cứ thực tiễn

Luật Lưu trữ được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 11 tháng 11 năm 2011 (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2012) và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo hành lang pháp lý cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về lưu trữ của Bộ Nội vụ và các bộ, ngành, địa phương; hệ thống tổ chức lưu trữ các cấp, lưu trữ cơ quan và người làm lưu trữ từng bước được kiện toàn, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; cơ sở vật chất và kinh phí dành cho lưu trữ được quan tâm đầu tư; tài liệu lưu trữ bảo quản tại các Trung tâm Lưu trữ quốc gia, Trung tâm lưu trữ lịch sử ở địa phương và Lưu trữ cơ quan cơ bản đã được chỉnh lý, xác định giá trị, bảo vệ, bảo quản an toàn, sử dụng có hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Tuy nhiên đến nay, sau hơn 10 năm thực hiện, bên cạnh những kết quả đạt được, Luật Lưu trữ năm 2011 đã bộc lộ những bất cập, hạn chế, một số quy định không còn phù hợp với tình hình thực tiễn, nhất là với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (trong đó có lĩnh vực lưu trữ) để tăng cường hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước, cụ thể là:

Thứ nhất, sau khi có Luật Lưu trữ năm 2011, Đảng đã có nhiều chủ trương, chính sách mới về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin

đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, toàn diện và hội nhập quốc tế; đồng thời, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều chương trình, đề án, chiến lược thực hiện chủ trương này của Đảng, trong đó có lĩnh vực lưu trữ. Trong quá trình triển khai thực hiện có những vấn đề đã được thực tiễn kiểm nghiệm, khẳng định tính hiệu quả cần được tổng hợp, khái quát và luật hóa, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho việc xây dựng nền lưu trữ hiện đại, góp phần bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lưu trữ.

Thứ hai, nhiều vấn đề của thực tiễn chưa được Luật Lưu trữ năm 2011 quy định hoặc đã được quy định nhưng chưa cụ thể, gây khó khăn trong quá trình thực hiện. Đó là:

- Vấn đề về quản lý tài liệu lưu trữ, bao gồm: (1) quản lý tài liệu lưu trữ Phòng lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam và Phòng lưu trữ Nhà nước Việt Nam; (2) thẩm quyền quản lý tài liệu của các ngành quốc phòng, công an, ngoại giao; (3) quản lý tài liệu lưu trữ cấp xã; (4) quản lý tài liệu khi có sự thay đổi về tổ chức.

- Vấn đề về quản lý tài liệu lưu trữ điện tử đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa nền hành chính, hội nhập quốc tế, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, bao gồm: (1) giá trị pháp lý của tài liệu lưu trữ điện tử; (2) việc quản lý cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ; (3) yêu cầu, chức năng của Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử; (4) nghiệp vụ lưu trữ tài liệu điện tử.

- Vấn đề về lưu trữ tư, bao gồm: (1) quản lý tài liệu lưu trữ tư; (2) trách nhiệm của Nhà nước và quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với tài liệu lưu trữ tư; (3) tổ chức lưu trữ tư.

- Vấn đề về quản lý hoạt động dịch vụ lưu trữ, bao gồm: (1) quy định về hoạt động dịch vụ lưu trữ phải đăng ký Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; (2) điều kiện các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động dịch vụ lưu trữ; (3) thẩm quyền cấp và đối tượng được cấp Chứng chỉ hành nghề lưu trữ; (4) lệ phí cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ và Chứng chỉ hành nghề lưu trữ.

Từ những căn cứ nêu trên, việc xây dựng, ban hành Luật Lưu trữ (sửa đổi) là cần thiết nhằm thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, toàn diện và hội nhập quốc tế, đổi mới hoạt động quản lý và thực hiện các nghiệp vụ về lưu trữ, khắc phục những bất cập, hạn chế trong thực tiễn công tác lưu trữ hiện nay.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT LƯU TRỮ (SỬA ĐỔI)

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các công việc sau:

1. Tổng kết thi hành Luật Lưu trữ năm 2011 (Báo cáo Tổng kết kèm theo).
2. Lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Lưu trữ (sửa đổi) trình Chính phủ thông qua tại phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 11 năm 2021

(Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ) và Chính phủ đã trình Quốc hội đề đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh trình Quốc hội cho ý kiến về dự án Luật Lưu trữ (sửa đổi) tại kỳ họp thứ 6 (tháng 10 năm 2023)¹.

3. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự án Luật Lưu trữ (sửa đổi)² và đã tổ chức các phiên họp của Ban soạn thảo, Tổ biên tập.

4. Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Lưu trữ (sửa đổi) và tổ chức nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về Luật Lưu trữ phục vụ cho việc xây dựng dự thảo Luật.

5. Tổ chức các cuộc tọa đàm, hội thảo³, xin ý kiến các chuyên gia, các nhà khoa học về các chính sách, nội dung của dự án Luật; tổ chức khảo sát trong nước tại các tỉnh Thái Bình, Hải Phòng, Quảng Ninh, Lào Cai.

6. Gửi lấy ý kiến Văn phòng Trung ương Đảng, các bộ, cơ quan trung ương, Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty nhà nước, UBND cấp tỉnh; đăng tải dự thảo Luật Lưu trữ (sửa đổi) trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Nội vụ để lấy ý kiến Nhân dân⁴, đồng thời gửi văn bản xin ý kiến góp ý của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam⁵; xin ý kiến phản biện của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam⁶.

7. Bộ Nội vụ đã nghiên cứu, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và Nhân dân⁷, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Lưu trữ (sửa đổi) gửi Bộ Tư pháp thẩm định. Ngày .../.../2023, Bộ Tư pháp đã có văn bản số..... về thẩm định dự án Luật Lưu trữ (sửa đổi) (kèm theo). Sau khi nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ đã chỉnh lý và hoàn thiện dự án Luật Lưu trữ (sửa đổi) trình Chính phủ.

III. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT LƯU TRỮ (SỬA ĐỔI)

1. Mục tiêu

Việc xây dựng Luật Lưu trữ (sửa đổi) nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng về việc ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực lưu trữ,

¹ Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022.

² Quyết định số 289/QĐ-BNV ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Luật Lưu trữ (sửa đổi).

³ Các hội thảo, tọa đàm khoa học: “Định hướng quản lý, sử dụng tài liệu lưu trữ điện tử phục vụ sửa đổi Luật Lưu trữ” (ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại Thành phố Hồ Chí Minh); “Quản lý tài liệu lưu trữ tư” (ngày 12 tháng 11 năm 2021 tại Hà Nội); “Giải mật tài liệu lưu trữ” (ngày 26 tháng 7 năm 2022 tại Hà Nội), “Hoạt động dịch vụ lưu trữ” (ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại Hà Nội); “Chuyển đổi số trong công tác lưu trữ - Cơ hội và thách thức” (ngày 01 tháng 12 năm 2022 tại Hà Nội).

⁴ Công văn số 6327/BNV-VTLTNN ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nội vụ.

⁵ Công văn số 6523/BNV-VTLTNN ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nội vụ.

⁶ Công văn số 6524/BNV-VTLTNN ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nội vụ.

⁷ Tính đến ngày 23 tháng 02 năm 2023, Bộ Nội vụ đã nhận được ý kiến góp ý của 20/30 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; 57/63 UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; 08/13 Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước; 02/05 tổ chức chính trị - xã hội; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và 01 ý kiến của Nhân dân trên Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ.

tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lưu trữ, góp phần thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia và Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa nền hành chính và hội nhập quốc tế.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng dự án Luật Lưu trữ (sửa đổi)

a) Thể chế hóa chủ trương của Đảng về việc ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực cho phát triển nhanh và bền vững;

b) Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của Luật Lưu trữ và tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành;

c) Bảo đảm nguyên tắc Nhà nước thống nhất quản lý tài liệu lưu trữ, cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ và hoạt động lưu trữ;

d) Việc xây dựng dự án Luật phải được tiến hành trên cơ sở tổng kết thực tiễn thi hành Luật Lưu trữ năm 2011; kế thừa, phát triển các quy định còn phù hợp, bổ sung quy định mới để khắc phục những bất cập, hạn chế của Luật Lưu trữ năm 2011, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phù hợp với tiến trình chuyển đổi số quốc gia, tiến tới Chính phủ số, xã hội số tại Việt Nam.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT LƯU TRỮ (SỬA ĐỔI)

1. Bố cục

Dự thảo Luật Lưu trữ (sửa đổi) gồm 09 Chương, 48 Điều (tăng 6 Điều so với Luật Lưu trữ năm 2011), trong đó sửa đổi 24 Điều; bổ sung mới 24 Điều. Cụ thể như sau:

(1) Chương I: Những quy định chung (06 Điều)

Chương này quy định các vấn đề: (1) phạm vi điều chỉnh; (2) đối tượng áp dụng; (3) giải thích từ ngữ; (4) nguyên tắc quản lý tài liệu lưu trữ và hoạt động lưu trữ; (5) chính sách của Nhà nước về lưu trữ; (6) các hành vi bị nghiêm cấm.

(2) Chương II: Quản lý tài liệu lưu trữ (05 Điều)

Chương này quy định phạm vi, thẩm quyền quản lý tài liệu lưu trữ và cơ sở dữ liệu quốc gia tài liệu lưu trữ, bao gồm: (1) thành phần Phòng Lưu trữ quốc gia Việt Nam; (2) thẩm quyền quản lý tài liệu lưu trữ và cơ sở dữ liệu quốc gia tài liệu lưu trữ; (3) quản lý tài liệu lưu trữ tại Lưu trữ cơ quan và Lưu trữ lịch sử; (4) quản lý tài liệu lưu trữ khi cơ quan, tổ chức được tổ chức lại, giải thể, phá sản; (5) quản lý tài liệu lưu trữ quý, hiếm.

(3) Chương III: Sử dụng tài liệu lưu trữ (07 Điều)

Chương này quy định các vấn đề: (1) giá trị của tài liệu lưu trữ; (2) phát huy giá trị tài liệu lưu trữ; (3) công bố tài liệu lưu trữ; (4) hình thức sử dụng tài liệu lưu trữ; (5) sao tài liệu lưu trữ, chứng thực tài liệu lưu trữ; (6) mang tài liệu lưu trữ ra ngoài Lưu trữ cơ quan, Lưu trữ lịch sử; (7) tài liệu lưu trữ tiếp cận có điều kiện.

(4) Chương IV: Hoạt động nghiệp vụ lưu trữ (06 Điều)

Chương này quy định các vấn đề: (1) thu thập, chỉnh lý tài liệu lưu trữ; (2) xác định giá trị tài liệu lưu trữ; (3) bảo quản, thống kê tài liệu lưu trữ; (4) lập bản dự phòng tài liệu lưu trữ; (5) giải mật tài liệu lưu trữ; (6) hủy tài liệu lưu trữ hết giá trị.

(5) Chương V: Lưu trữ điện tử (06 Điều)

Chương này mới được bổ sung, quy định về: (1) giá trị pháp lý của tài liệu lưu trữ điện tử; (2) quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia tài liệu lưu trữ; (3) hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử; (4) thu thập, bảo quản, sử dụng tài liệu lưu trữ điện tử; (5) hủy tài liệu lưu trữ điện tử hết giá trị; (6) kho lưu trữ số.

(6) Chương VI: Lưu trữ tư (05 Điều)

Chương này mới được bổ sung, quy định về: (1) tài liệu lưu trữ tư có giá trị quốc gia; (2) trách nhiệm của Nhà nước đối với tài liệu lưu trữ tư; (3) quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu tài liệu lưu trữ tư; (4) tổ chức lưu trữ tư; (5) sử dụng tài liệu lưu trữ tư.

(7) Chương VII: Hoạt động dịch vụ lưu trữ (04 Điều)

Chương này kế thừa quy định tại Chương V Luật Lưu trữ năm 2011 quy định rõ hơn về: (1) hoạt động dịch vụ lưu trữ; (2) điều kiện hoạt động dịch vụ lưu trữ; (3) điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ có điều kiện; (4) Chứng chỉ hành nghề lưu trữ.

(8) Chương VIII: Quản lý nhà nước về lưu trữ (06 Điều)

Chương này kế thừa, bổ sung Chương VI Luật Lưu trữ năm 2011, bao gồm: (1) trách nhiệm quản lý nhà nước về lưu trữ; (2) trách nhiệm của cơ quan, tổ chức; (3) xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực lưu trữ; (4) kinh phí hoạt động lưu trữ; chế độ, chính sách đối với người làm lưu trữ; (5) đầu tư hiện đại hóa hoạt động lưu trữ; (6) hợp tác quốc tế về lưu trữ.

(9) Chương IX: Điều khoản thi hành (03 Điều)

Chương này quy định về điều khoản thi hành và bổ sung 02 Điều, gồm: (1) Bổ sung Phụ lục IV của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 (Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện) quy định kinh doanh dịch vụ lưu trữ có điều kiện; (2) Bổ sung Phụ lục số 01 Danh mục Phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí, lệ phí số 97/2015/QH13 (Danh mục phí, lệ phí) quy định lệ phí cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ lưu trữ và Chứng chỉ hành nghề lưu trữ.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật Lưu trữ (sửa đổi)

Trên cơ sở kế thừa các nội dung của Luật Lưu trữ năm 2011 về những quy định chung, hoạt động nghiệp vụ lưu trữ, dự thảo Luật Lưu trữ (sửa đổi) có các nội dung sửa đổi, bổ sung tập trung vào 04 chính sách đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ, gồm:

a) Quy định về thẩm quyền quản lý tài liệu lưu trữ

Chương II dự thảo Luật Lưu trữ (sửa đổi) đã bổ sung các quy định về thẩm quyền quản lý tài liệu Phong lưu trữ quốc gia Việt Nam theo hướng phân định rõ thẩm quyền quản lý cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ; tài liệu Phong lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam và Phong lưu trữ Nhà nước Việt Nam giữa cơ quan có thẩm quyền của Đảng và cơ quan quản lý Nhà nước về lưu trữ; phân cấp quản lý tài liệu lưu trữ giữa cơ quan lưu trữ của Nhà nước ở trung ương và ở địa phương; thẩm quyền quản lý tài liệu các ngành quốc phòng, công an, ngoại giao và thẩm quyền quản lý tài liệu lưu trữ cấp xã.

Các quy định bổ sung nêu trên nhằm tạo hành lang pháp lý thống nhất quản lý tài liệu lưu trữ và cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phân cấp và phân định rõ thẩm quyền quản lý tài liệu lưu trữ giữa các cơ quan quản lý, giữa Lưu trữ cơ quan và Lưu trữ lịch sử; phân công các ngành quốc phòng, công an, ngoại giao có trách nhiệm bảo quản, sử dụng khối tài liệu lưu trữ đặc thù (liên quan đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia).

b) Quy định về tài liệu lưu trữ điện tử

Chương V dự thảo Luật Lưu trữ (sửa đổi) đã làm rõ giá trị pháp lý của tài liệu lưu trữ điện tử, giá trị của bản chính, bản số hóa tài liệu lưu trữ trong việc quản lý và thực hiện các giao dịch điện tử; quy định những yêu cầu của Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử, Kho lưu trữ số; thực hiện nghiệp vụ về thu thập, bảo quản, sử dụng tài liệu lưu trữ điện tử.

Các quy định bổ sung nêu trên nhằm thể chế hóa các chủ trương của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đẩy mạnh chuyển đổi số hoạt động lưu trữ, đáp ứng yêu cầu xây dựng Lưu trữ số, Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số; đồng thời để bảo đảm thống nhất, đồng bộ, phù hợp với quy định trong các luật chuyên ngành về công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an ninh mạng, tiếp cận thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước và đặt ra những quy định tiêu chuẩn kỹ thuật của Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử và Kho lưu trữ số để quản lý thống nhất tài liệu lưu trữ điện tử, đáp ứng yêu cầu kết nối và chia sẻ dữ liệu tài liệu lưu trữ của các cơ quan, tổ chức.

c) Quy định về quản lý tài liệu lưu trữ tư

Chương VI dự thảo Luật Lưu trữ (sửa đổi) quy định giá trị của tài liệu lưu trữ tư; trách nhiệm của Nhà nước, quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu trong việc quản lý, sử dụng tài liệu lưu trữ tư; thành lập, tổ chức lại, giải thể và hoạt động của tổ chức lưu trữ tư.

Các quy định nêu trên nhằm góp phần nâng cao nhận thức của xã hội về việc lưu giữ, bảo vệ, bảo quản và phát huy giá trị tài liệu tư để phục vụ lợi ích cộng đồng, lợi ích quốc gia. Theo đó, với mục tiêu phát triển lưu trữ tư, Nhà nước có những chính sách để công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền sở hữu, quyền sở hữu trí tuệ đối với tài liệu lưu trữ tư và tạo hành lang pháp lý,

điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động dịch vụ lưu trữ, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động lưu trữ. Những quy định này vừa bảo đảm phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ tư, vừa bảo đảm quản lý nhà nước, xử lý hài hòa mối quan hệ giữa Nhà nước và tổ chức, cá nhân trong quản lý tài liệu lưu trữ tư và hoạt động dịch vụ lưu trữ.

d) Quy định về hoạt động dịch vụ lưu trữ

Chương VII dự thảo Luật Lưu trữ (sửa đổi) quy định 02 hoạt động dịch vụ lưu trữ (kinh doanh bảo quản tài liệu lưu trữ giấy, tài liệu lưu trữ khác và kinh doanh Kho lưu trữ số) phải đăng ký ngành nghề kinh doanh có điều kiện; điều kiện để tổ chức, cá nhân được tham gia hoạt động dịch vụ lưu trữ; quy định thẩm quyền cấp và đối tượng được cấp Chứng chỉ hành nghề lưu trữ.

Các quy định nêu trên nhằm đáp ứng yêu cầu, điều kiện để tổ chức lưu trữ tư khi tham gia kinh doanh dịch vụ lưu trữ được tiếp cận tài liệu lưu trữ chứa thông tin quan trọng trong hoạt động quản lý của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và tài liệu lưu trữ có giá trị quốc gia. Bên cạnh đó, việc tham gia của các doanh nghiệp vào hoạt động bảo quản tài liệu lưu trữ nếu không đáp ứng yêu cầu chặt chẽ của pháp luật sẽ dẫn đến nguy cơ mất tài liệu, mất dữ liệu; lộ lọt thông tin, dữ liệu không được sao lưu. Đồng thời, việc quy định thẩm quyền cấp và đối tượng được cấp Chứng chỉ hành nghề lưu trữ nhằm bảo đảm yêu cầu về năng lực, thái độ của cá nhân khi tham gia hoạt động dịch vụ lưu trữ, đáp ứng quy định của ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

V. VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

Trong quá trình xây dựng dự thảo Luật Lưu trữ (sửa đổi) còn có ý kiến khác nhau về vấn đề thời hạn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử, là 03 năm, 05 năm hay 10 năm (kể từ năm công việc kết thúc), Bộ Nội vụ đề xuất là 05 năm và dự thảo Luật Lưu trữ (sửa đổi) được thể hiện theo hướng này, vì 03 lý do sau:

1. Lưu trữ lịch sử là cơ quan có nhiệm vụ lưu trữ tài liệu bảo quản vĩnh viễn, là bằng chứng khách quan, quan trọng, có ý nghĩa quốc gia về quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Vì vậy, việc quy định thời hạn 05 năm nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử để tránh việc sửa chữa, bảo đảm tính khách quan của tài liệu lưu trữ khi kết thúc 01 nhiệm kỳ công tác của cá nhân hoặc một giai đoạn phát triển của cơ quan, tổ chức là phù hợp.

2. Chữ ký số trên tài liệu điện tử được dự kiến bảo đảm tính toàn vẹn của tài liệu trong thời hạn khoảng 05 năm. Vì vậy, việc thu thập tài liệu điện tử vào Lưu trữ lịch sử trong khoảng thời gian 05 năm (trước khi hết hiệu lực của chữ ký số) để bảo đảm tính toàn vẹn, tính xác thực trong Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử và Kho lưu trữ số là cần thiết.

3. Hiện nay, cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ, giải pháp kỹ số lâu dài để bảo đảm xác thực tài liệu lưu trữ điện tử tại nhiều Lưu trữ cơ quan chưa đáp ứng được yêu cầu về bảo quản an toàn, an ninh, xác thực tài liệu lưu trữ (cả tài liệu giấy, tài liệu trên vật mang tin khác và tài liệu điện tử). Theo đó, việc thực hiện nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử trong thời hạn 05 năm sẽ góp phần giải quyết

tình trạng tồn đọng, tích đọng và hạn chế nguy cơ thất lạc, hư hỏng tài liệu lưu trữ có giá trị quốc gia cần lưu trữ cho các thế hệ sau.

Trên đây là nội dung cơ bản của dự án Luật Lưu trữ (sửa đổi), Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Hồ sơ dự án Luật kèm theo gồm có: (1) Dự thảo Luật Lưu trữ (sửa đổi); (2) Báo cáo thẩm định dự án Luật Lưu trữ (sửa đổi); (3) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định về dự thảo Luật; (4) Báo cáo kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án Luật Lưu trữ (sửa đổi); (5) Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính của Luật Lưu trữ (sửa đổi); (6) Báo cáo nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về Luật Lưu trữ; (7) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan trung ương và địa phương về dự thảo Luật Lưu trữ (sửa đổi); (8) Báo cáo tổng kết thực hiện Luật Lưu trữ năm 2011./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Bộ trưởng;
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng;
- Lưu: VT, Cục VTLTNN.

BỘ TRƯỞNG

Phạm Thị Thanh Trà